UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6002 /SYT-NVY

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 10 năm 2026

V/v tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân năm 2026

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;
- Trạm y tế các xã, phường.

Thực hiện Thông báo Kết luận số 1072/TB-UBND ngày 09/10/2026 của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Y Ngọc tại Phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2026; Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 – 2030; nhằm bảo đảm tổ chức triển khai đồng bộ, đúng tiến độ, Sở Y tế đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, khẩn trương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

- Khẩn trương tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho người dân trên địa bàn theo lộ trình tại Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh.

- UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện ký hợp đồng với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe để tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho người từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi và người từ đủ 18 tuổi trở lên theo địa bàn.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho trẻ em dưới 06 tuổi; thực hiện cập nhật, liên thông dữ liệu khám sức khỏe lên hệ thống dữ liệu sức khỏe và sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID theo quy định; phối hợp với các cơ sở giáo dục để tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh lưu động, phù hợp điều kiện thực tế của từng xã, từng thôn, tổ dân phố và phương án tổ chức khám của đơn vị thực hiện khám.

- Ưu tiên tổ chức các đợt khám lưu động tại các địa bàn có điều kiện đi lại khó khăn nhằm tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ khám sức khỏe.

- Địa điểm khám phải bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động khám sức khỏe định kỳ, bao gồm khu vực tiếp đón, khu vực khám, khu vực chờ, điều kiện điện, nước, vệ sinh môi trường, bảo đảm an ninh trật tự và các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động khám.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp Bộ Y tế có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các hướng dẫn chuyên môn nêu trên thì thực hiện theo quy định, hướng dẫn mới của Bộ Y tế.

2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe

- Sau khi ký hợp đồng với UBND các xã, phường, đặc khu, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm phối hợp UBND các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết để tổ chức thực hiện khám sức khỏe cho các đối tượng từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi và từ đủ 18 tuổi trở lên, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, tiến độ theo lộ trình của Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh.

- Tổ chức các đoàn khám lưu động, phù hợp điều kiện thực tế của từng xã, phường nhằm tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ khám sức khỏe.

- Chịu trách nhiệm nhập đầy đủ, chính xác, kịp thời kết quả khám sức khỏe của các đối tượng do đơn vị trực tiếp thực hiện khám lên hệ thống quản lý dữ liệu khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

3. Sở Nội vụ.

- Phối hợp chỉ đạo các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn quản lý thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo Luật An toàn, vệ sinh lao động.

+ Đơn vị nào đã tổ chức khám sức khỏe cho người lao động từ đầu năm thì đề nghị cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện khám sức khỏe cho đơn vị phải thực hiện cập nhật, liên thông dữ liệu khám sức khỏe lên hệ thống dữ liệu sức khỏe và sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID theo quy định.

+ Đơn vị nào chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khẩn trương triển khai khám cho người lao động và khi thực hiện ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để thực hiện khám sức khỏe, phải đề nghị cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó thực hiện cập nhật, liên thông dữ liệu khám sức khỏe lên hệ thống dữ liệu sức khỏe và sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập và tư thục trên địa bàn tỉnh nghiêm túc tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của pháp luật về

công tác y tế trường học, thực hiện đúng theo mẫu Phụ lục II và Phụ lục III quy định tại Thông tư 33/2026/TT-BYT, đảm bảo thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân theo đúng chỉ đạo của Trung ương tại Chỉ thị số 17/CT-TTg.

- Địa điểm thực hiện: tại cơ sở giáo dục hoặc Trạm Y tế cấp xã hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc địa điểm khác phù hợp với điều kiện thực tế và theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện cập nhật dữ liệu kiểm tra sức khỏe đầu năm học lên Cổng dữ liệu sức khỏe của Bộ Y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

5. Chế độ báo cáo.

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu định kỳ báo cáo theo mẫu tại Phụ lục đính kèm gửi về Sở Y tế **trước ngày 03 hằng tháng** (số liệu chốt ngày cuối tháng) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Y tế để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết[1].

Sở Y tế kính đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan khẩn trương phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY(ntp).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Võ Văn Thanh

[1] Các đơn vị khi cần hỗ trợ, liên hệ BSCKI Nguyễn Thành Phương, CV Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế; số điện thoại: 0985915518, email: bsphuongsytqng@gmail.com

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ
(Ban hành kèm theo Công văn số /SYT-NVY ngày tháng năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị:
2. Kỳ báo cáo: Tháng năm 202….
3. Dân số:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả khám

TT	Chỉ tiêu	Số lượng đối tượng được lập danh sách	Số lượng được khám trong tháng	Số lượng tích lũy	Ghi chú
1	Tổng số người khám				
2	Số xã đã triển khai				
3	Số người khám theo nhóm đối tượng				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi				
	- Từ 06 đến 18 tuổi				
	- Trên 18 tuổi				

2. Phân bố theo địa điểm khám và lập Sổ sức khỏe điện tử

TT	Địa điểm khám	Số người khám	Số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử
1	Trạm y tế		
	- Trẻ em dưới 6 tuổi		
	- Từ 06 đến 18 tuổi		
	- Trên 18 tuổi		
2	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác		
	- Trẻ em dưới 6 tuổi		
	- Từ 06 đến 18 tuổi		
	- Trên 18 tuổi		

TT	Địa điểm khám	Số người khám	Số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử
3	Khám lưu động		
	- Trẻ em dưới 6 tuổi		
	- Từ 06 đến 18 tuổi		
	- Trên 18 tuổi		

Phụ lục 2: Kết quả triển khai khám sức khỏe định kỳ theo Kế hoạch 242/2026/KH-UBND ngày 30/6/2026

STT	Tỉnh/thành phố	Kế hoạch			Kết quả triển khai Sổ sức khỏe điện tử			Năng lực hệ thống y tế cơ sở				
		Đã ban hành	Chưa ban hành	Thời gian dự kiến triển khai khám	Tổng dân số	Số người đã có Sổ sức khỏe điện tử	Tỷ lệ (%)	Tổng số trạm Y tế cấp xã	Số lượng bác sĩ	Số trạm đủ bác sĩ theo quy định	Số trạm thiếu bác sĩ	Trạm có đủ trang thiết bị cơ bản
1	UBND XÃ A	Kế hoạch số …../KH-UBND ngày ….										

Số liệu thực hiện theo lộ trình thực hiện theo Kế hoạch 242/KH-UBND

STT	Nhóm đối tượng	Số lượng trong tháng	Số lượng tích lũy			
1	Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội					

	khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)					
2	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên					
3	Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo					
4	Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi					
5	Người thuộc hộ cận nghèo					
6	Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi					
7	Người có công, người mắc bệnh mạn tính					
8	Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ các đối tượng					

	trên)					
9	Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông.					
10	Người lao động					
11	Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý					
12	Các đối tượng không thuộc các nhóm trên					